

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-PT

Ngày: 12.01.2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hoài Xuân; Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Việt - Thư ký TAND tỉnh Bình Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 153/2021/TLPT-HS ngày 25 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo Nguyễn Quốc A và đồng bọn do có kháng cáo của các bị cáo Trần Văn D, Mai Hoàng E và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Z đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 02/2021/HS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Định.

- Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Nguyễn Quốc A, sinh năm 1997; nơi sinh: tỉnh Bình Định; nơi cư trú: thôn X, xã Y, huyện Z, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp không; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông I, sinh năm 1977; con bà K, sinh năm 1978; chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18 tháng 12 năm 2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”; bắt giam ngày 02.4.2021; có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Thị B, sinh năm 1989; nơi sinh: Bình Định; nơi cư trú: Khu phố I, phường Q, thị xã K, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Tiếp viên; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông U, sinh năm 1961; con bà P, sinh năm 1958; có chồng là anh H, sinh năm 1991 (đã ly hôn năm 2016) và 01 người con sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không; bắt giam từ ngày 02.4.2021 đến ngày 28/10/2021 thì trả tự do; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Trần Ngọc C, sinh năm 1982; nơi sinh: Bình Định; nơi cư trú: thôn X', xã Y', huyện Z, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: M, sinh năm 1960; con bà: L, sinh năm 1960; có vợ: chị K, sinh năm 1991 và 01

người con sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không; bắt giam từ ngày 02.4.2021 đến ngày 28/10/2021 thì trả tự do; vắng mặt tại phiên tòa.

4. Trần Văn D, sinh năm 1996; nơi sinh: Bình Định; nơi cư trú: Thôn X', xã Y', huyện Z, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: S, sinh năm 1966; con bà H, sinh năm 1968; chưa có vợ con; tiền án: Vào ngày 20 tháng 3 năm 2019 bị Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Bình Định xử phạt 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích"; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt tại phiên tòa.

5. Mai Hoàng E, sinh năm 1992; nơi sinh: Bình Định; nơi cư trú: thôn X'', xã Y'', huyện Z, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: O, sinh năm 1969; con bà: Z, sinh năm 1973; chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1/ P, sinh năm: 2002 (Vắng mặt).

Trú tại: L, phường M, thị xã N, tỉnh Bình Định. Tạm trú: I, thị trấn Q, huyện Z, tỉnh Bình Định.

2/ Q, sinh năm: 1999 (Vắng mặt).

Trú tại: thôn I', phường Q', thành phố K, tỉnh Kon Tum.

3/ R, sinh năm: 1990 (Vắng mặt).

Trú tại: I, phường T, thị xã N, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, Nguyễn Quốc A, Trần Ngọc C đến quán cà phê K ở thị trấn Q, huyện Z yêu cầu một số nữ tiếp viên karaoke đến gặp để nói chuyện thu tiền bảo kê và đe dọa đòi đánh các tiếp viên không đóng tiền bảo kê.

Vào sáng ngày 05 tháng 3 năm 2021, Nguyễn Quốc A yêu cầu Nguyễn Thị B là tiếp viên quán Karaoke thông báo cho các tiếp viên nữ quán Karaoke ở thị trấn Q, huyện Z đến quán cà phê K để trao đổi việc thu tiền bảo kê hàng tháng. Nguyễn Quốc A đi cùng với các Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E Khi đến quán K gặp Nguyễn Thị B và khoảng 07 đến 08 tiếp viên. Nguyễn Quốc A nói rõ với các tiếp viên là từ thời gian này trở đi A sẽ thu tiền bảo kê của các tiếp viên và buộc các tiếp viên phải nộp tiền bảo kê hàng tháng. Cụ thể, hàng tháng mỗi tiếp viên trẻ tuổi nộp số tiền 3.000.000 đồng, tiếp viên lớn tuổi nộp 1.500.000 đồng, tiếp viên chỉ ở làm tại một quán karaoke thì nộp 2.000.000 đồng, cứ 10 ngày thu tiền một lần; nếu nghỉ ngày nào thì báo lại cho Nguyễn Quốc A để trừ tiền. Nguyễn Quốc A giao cho Nguyễn Thị B ghi danh sách tên, số điện thoại, số tiền thu hàng tháng của từng tiếp viên, đồng thời B là người trực tiếp đi thu tiền của các tiếp viên chuyển lại cho A; B

không phải nộp tiền bảo kê cho A, nếu người nào không chịu nộp tiền thì báo lại để A xử lý. Tại buổi trao đổi nói trên có nhiều tiếp viên ý kiến xin giảm mức tiền đóng hàng tháng nhưng Nguyễn Quốc A không chấp nhận, buộc các tiếp viên phải nộp theo mức quy định của A. Các tiếp viên do sợ bị nhóm của Nguyễn Quốc A đánh và đuổi không cho làm nên chấp nhận nộp tiền bảo kê. Nguyễn Thị B và một số tiếp viên ý kiến về việc chị P là tiếp viên karaoke tại thị trấn Q nhưng không tham gia và cũng không đóng tiền bảo kê thì Nguyễn Quốc A tuyên bố “con đó để tao xử cho”. Sau khi họp tại quán K xong Nguyễn Quốc A rủ các Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E cùng đi đến quán Karaoke 5 Sao tại thị trấn Q, huyện Z yêu cầu chủ quán gọi chị P đến phục vụ với mục đích để xử lý việc chị Q không đóng tiền bảo kê nhưng chị Q không đến nên các bị cáo không hát Karaoke.

Khi đó Nguyễn Quốc A cùng Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E đến phòng trọ của chị Q ở số nhà 94/2 đường Nguyễn Du, thị trấn Q với mục đích hăm dọa, đánh chị Q đồng thời để chị Q gọi người bảo kê cho chị Q đến gặp mặt. Khi đến phòng trọ của chị Q thì Nguyễn Quốc A thấy có người thanh niên tên O nói trên đang ở trong phòng trọ của chị Q nên A không đánh mà nói chuyện với O một lúc rồi bỏ đi. Khoảng 15-20 phút sau thì Nguyễn Quốc A cùng Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E quay lại phòng trọ của chị Q, A ở bên ngoài còn Trần Ngọc C, Mai Hoàng E, Trần Văn D đi vào phòng trọ của chị Q. Trần Ngọc C, Mai Hoàng E, Trần Văn D dùng tay đánh chị Q nhiều cái; riêng Trần Ngọc C còn dùng tay đánh 02 cái vào mặt của chị Q là tiếp viên Karaoke ở chung phòng với chị Q; Trần Ngọc C nói “ai cho mày làm ở đây”. Sau khi đánh xong nhóm bỏ đi. Chị Q và chị Q bị thương tích phần mềm nên đến Trung tâm y tế huyện Z nhập viện điều trị đến ngày 06 tháng 3 năm 2021 xuất viện.

Tiếp đến, vào tối ngày 31 tháng 3 năm 2021, Nguyễn Thị B báo với Nguyễn Quốc A việc chị S là tiếp viên Karaoke nhưng không chịu nộp tiền bảo kê nên Nguyễn Quốc A cùng với Trần Ngọc C đi đến phòng trọ của chị S ở số nhà 04 đường Nguyễn Lữ, thị trấn Q, huyện Z nhưng không có chị S ở phòng. Nguyễn Quốc A yêu cầu chị R là tiếp viên Karaoke ở chung phòng với chị S gọi điện thoại cho chị S nhưng điện thoại của chị S không liên lạc được. Nguyễn Quốc A cho rằng chị R thông báo cho chị S trốn nên Nguyễn Quốc A dùng tay, chân đánh nhiều cái vào người chị R đồng thời A điện thoại hăm dọa chị đánh chị S. Chị R bị thương tích phần mềm được đưa đến nhập viện điều trị tại Trung tâm y tế huyện Z đến ngày 03 tháng 4 năm 2021 xuất viện.

Với phương thức thủ đoạn như trên từ ngày 05 tháng 3 năm 2021 đến khi bị bắt quả tang thì Nguyễn Thị B đã trực tiếp đi thu tiền của các tiếp viên trong tháng 03 năm 2021 là 03 đợt với tổng số tiền 28.650.000 đồng; trong đó hai đợt đầu tháng thu số tiền 16.350.000 đồng đã được chuyển cho Nguyễn Quốc A, đợt cuối tháng thu số tiền 12.300.000 đồng nhưng chưa chuyển cho Nguyễn Quốc A; cụ thể những người đã nộp tiền bảo kê gồm:

Chị X nộp 2.700.000 đồng; chị X1 600.000 đồng; chị X2 nộp 2.300.000 đồng; chị S nộp 2.500.000 đồng; chị R nộp 1.000.000 đồng; chị X3 nộp 2.000.000 đồng; chị X4 nộp 900.000 đồng; chị X5 nộp 600.000 đồng; chị X6 nộp 1.500.000 đồng; chị

X7 nộp 1.400.000 đồng; chị X8 nộp 1.500.000 đồng; chị X9 nộp 500.000 đồng; chị X10 nộp 500.000 đồng; chị X11 nộp 500.000 đồng; chị X12 nộp 1.500.000 đồng; chị X13 nộp 2.000.000 đồng. Ngoài ra Nguyễn Thị B còn thu tiền của 05 người tiếp viên nữ khác với tổng số tiền 6.650.000 đồng nhưng không xác định được tên, địa chỉ.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 188/2021/PY-TgT ngày 23/7/2021 của Trung tâm pháp y tỉnh Bình Định kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của chị P hiện tại là 04%.

Chị Q và chị R từ chối giám định thương tích với lý do thương tích nhẹ không ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc A, bị cáo Nguyễn Thị B, bị cáo Trần Ngọc C, bị cáo Trần Văn D, bị cáo Mai Hoàng E đều phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc A 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Quốc A bị tạm giữ là ngày 02 tháng 4 năm 2021.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị B 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Nguyễn Thị B bị tạm giữ là ngày 02 tháng 4 năm 2021.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc C 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Trần Ngọc C bị tạm giữ là ngày 02 tháng 4 năm 2021.

5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 07 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Trần Văn D bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

6. Căn cứ vào khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Mai Hoàng E 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Mai Hoàng E bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn xử lý vật chứng; bồi thường thiệt hại, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng.

- Ngày 22.10.2021, bị cáo Trần Văn D kháng cáo xin được cải tạo không giam giữ.

- Ngày 21.10.2021, bị cáo Mai Hoàng E kháng cáo xin được hưởng án treo.

- Ngày 25.10.2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Z kháng nghị yêu cầu tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Quốc A, Nguyễn Thị B, Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị quan điểm giải quyết vụ án: Rút một phần kháng nghị đối với các bị cáo Trần Ngọc C, Mai Hoàng E. Đề nghị tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Quốc A, Nguyễn Thị B, Trần Văn D; xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc A từ 18 đến 24 tháng tù, Nguyễn Thị B từ 15 đến 18 tháng tù, Trần Văn D từ 12 đến 15 tháng tù.

Bị cáo không tranh luận, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 21/12/2021, bị cáo Anh vắng mặt và viết đơn xin hoãn phiên tòa với lý do gia đình bị cáo bị F1 để đảm bảo sức khỏe cho bản thân và mọi người nên không thể tham gia phiên tòa; các bị cáo Nguyễn Quốc A, Nguyễn Thị B, Trần Ngọc C và Mai Hoàng E đều có mặt, HĐXX ra Quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 12/01/2022 mở phiên tòa lần thứ 2, bị cáo Nguyễn Quốc A có mặt, các bị cáo Nguyễn Thị B, Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt, những người tham gia phiên tòa được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt. Do đó HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 351 BLTTHS tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo Nguyễn Thị B, Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E.

[2] Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ, đơn kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Z thể hiện:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quốc A khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ căn cứ để xác định vụ án như sau:

Các bị cáo Nguyễn Quốc A, Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E đã có hành vi đánh đập, đe dọa các nữ làm nghề tiếp viên tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ Karaoke trên địa bàn thị trấn Q, huyện Z, tỉnh Bình Định để buộc các tiếp viên phải đóng tiền hàng tháng cho bị cáo Nguyễn Quốc A, nếu tiếp viên nào không nộp tiền cho bị cáo Nguyễn Quốc A thì các bị cáo Nguyễn Quốc A, Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E đe dọa, đánh đập nhằm gây tâm lý hoang mang lo sợ buộc các bị hại phải nộp tiền để được làm việc. Bị cáo Nguyễn Thị B là người trực tiếp thu tiền của các bị hại rồi giao tiền lại cho bị cáo Nguyễn Quốc A với mục đích bị cáo Nguyễn Thị B không phải đóng tiền cho bị cáo Nguyễn Quốc A. Từ tháng 3 năm 2021 đến ngày 02 tháng 4 năm 2021 các bị cáo đã thu số tiền 28.650.000 đồng của các bị hại.

Do đó Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là có căn cứ đúng pháp luật.

[3] Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Z và kháng cáo của các bị cáo Trần Văn D, Mai Hoàng E trong hạn luật định nên chấp nhận.

HĐXX xét thấy: Các bị cáo tham gia vụ án với vai trò đồng phạm. Bị cáo A là người chủ mưu, cầm đầu và chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Bị cáo A là người tổ chức cuộc họp tại quán cà phê K để yêu cầu các nữ tiếp viên karaoke đến gặp mặt để thu tiền bảo kê. Bị cáo A cũng là người ra quy định từ thời gian này trở đi bị cáo sẽ thu tiền bảo kê của các tiếp viên và buộc các tiếp viên phải nộp tiền bảo kê hàng tháng. Tiếp viên trẻ tuổi nộp số tiền 3.000.000 đồng, tiếp viên lớn tuổi nộp 1.500.000 đồng, tiếp viên chỉ ở làm tại một quán karaoke thì nộp 2.000.000 đồng, cứ 10 ngày thu tiền một lần; nếu nghỉ ngày nào thì báo lại cho Nguyễn Quốc A để trừ tiền. Nguyễn Quốc A giao cho Nguyễn Thị B ghi danh sách tên, số điện thoại, số tiền thu hàng tháng của từng tiếp viên, đồng thời B là người trực tiếp đi thu tiền của các tiếp viên chuyên lại cho A; B không phải nộp tiền bảo kê cho A, nếu người nào không chịu nộp tiền thì báo lại để A xử lý. Tiếp viên nào không thực hiện quy định do bị cáo A đề ra thì Nguyễn Quốc A cùng các bị cáo Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E đe dọa và đánh đập.

Thực hiện sự chỉ huy của A, bị cáo B đã có hành vi đi thu tiền của các tiếp viên và nộp về cho A; các bị cáo Nguyễn Quốc A, Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E cùng có hành vi đánh các tiếp viên. Như vậy trong vụ án này, các bị cáo đã phạm tội có tổ chức được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 BLHS. Bị cáo A là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy và trực tiếp thực hiện tội phạm. Các bị cáo Trần Ngọc C, Trần Văn D, Mai Hoàng E, Nguyễn Thị B là đồng phạm với vai trò là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm.

Theo kháng nghị của Viện kiểm sát và thực trạng vụ án thì tình trạng bảo kê của các nhóm tội phạm xảy ra trên địa bàn huyện Z rất đáng báo động, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân cũng như gây dư luận không tốt cho chính quyền địa phương. Do đó, hành vi của các bị cáo đã phạm vào điểm đ khoản 2 Điều 170 BLHS là “Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội”.

Hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra đã vi phạm quy định tại điểm a, đ khoản 2 Điều 170 BLHS. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm đã không xem xét toàn diện vụ án để xét xử đúng mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, đúng khung hình phạt mà quá chú trọng vào các tình tiết giảm nhẹ để xét xử các bị cáo mức án như trên là thiếu nghiêm minh, không đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo, không phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị đối với Trần Ngọc C và Mai Hoàng E nên HĐXX không có căn cứ để sửa bản án sơ thẩm. Xét thấy bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Z có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng hình phạt nhưng không thuộc trường hợp HĐXX phúc thẩm sửa bản án theo quy định tại Điều 357 của BLHS do đó HĐXX căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 358 BLHS, hủy bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với thành phần HĐXX mới.

Bản án bị hủy nên không xem xét kháng nghị và kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355; điểm đ khoản 2 Điều 358 của BLTTHS.

Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 13 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Z. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Z xét xử lại với thành phần Hội đồng xét xử mới.

[2]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT1-TANDTC
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQHSNVCSCA tỉnh Bình Định;
- TA, VKS, CQĐT CA H. Z;
- Cơ quan THAHS H. Z;
- Chi cục THADS H. Z;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Định,
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình